

Bản án số: 119/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 13-9-2019

V/v không công nhận vợ chồng

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỚI BÌNH, TỈNH CÀ MAU**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Kiều Trang

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Văn Chính
2. Ông Lê Bình Triệu

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Đỗ Hồng Như là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa:*** Ông Võ Hồng Quân, Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 9 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 229/2019/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 6 năm 2019 về việc không công nhận vợ chồng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 133/2019/QĐXX-ST ngày 02 tháng 8 năm 2019 giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn:* Chị Cao Ngọc H, sinh năm 1989 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp A, xã TP, thị xã Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu.

*2. Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1981 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp B, xã TL, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*\*Tại đơn khởi kiện ngày 10/6/2019 cũng như tại phiên tòa chị Cao Ngọc H trình bày:*

Chị H và anh T tự nguyện chung sống với nhau có tổ chức lễ cưới vào năm 2009 nhưng không có đăng ký kết hôn. Thời gian chung sống, chị H và anh T không hạnh phúc, cự cãi nhau làm phát sinh mâu thuẫn nên không còn chung sống với nhau từ tháng 11/2016 đến nay. Vì vậy, chị H yêu cầu chấm dứt mối quan hệ với anh T.

Con chung tên Cao Tấn L, sinh ngày 05/10/2015 hiện chị H nuôi dạy. Khi ly hôn chị H yêu cầu tiếp tục nuôi dạy cháu L nhưng không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

T sản chung và nợ chung: Không có nên chị H không yêu cầu giải quyết.

*\*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau phát biểu quan điểm:*

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý đến trước khi Hội đồng xét xử vào phòng nghị án đã tuân thủ đúng theo quy định.

Về nội dung: Tại hồ sơ vụ án cũng như tại phiên tòa thể hiện chị H và anh T chung sống với nhau nhưng không có đăng ký kết hôn là chưa tuân thủ đúng quy định pháp luật. Do đó, áp dụng Điều 14, 53 luật hôn nhân và gia đình không công nhận chị H và anh T là vợ chồng. Con chung do chị H nuôi dạy nên cần giao chị H tiếp tục nuôi dạy, anh T không phải cấp dưỡng nuôi con; T sản chung và nợ chung không có nên không đề nghị xem xét.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các T liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện các chứng cứ, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng và quan hệ pháp luật tranh chấp:

[1] Chị Cao Ngọc H khởi kiện yêu cầu ly hôn với bị đơn là anh Nguyễn Văn T. Do chị H và anh T chung sống với nhau nhưng không có đăng ký kết hôn nên đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình về việc không công nhận vợ chồng; anh T có địa chỉ tại ấp B, xã TL, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của chị H thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau theo quy

định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Tòa án có thông báo thụ lý, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và có tổng đạt hợp lệ cho anh T nhưng anh T không có ý kiến bằng văn bản đối với yêu cầu của chị H và vắng mặt không có lý do. Tòa án tiến hành đưa vụ án ra xét xử và có tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng này cho anh T nhưng anh T vắng mặt tại các lần xét xử không có lý do. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh T theo quy định tại khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án:

[3] Về hôn nhân: Tại đơn khởi kiện cũng như tại phiên tòa, chị H cho rằng do sống chung với anh T không có hạnh phúc nên yêu cầu chấm dứt mối quan hệ với anh T. Xét thấy, yêu cầu của chị H là có cơ sở. Bởi vì, chị H và anh T chung sống với nhau trên cơ sở tự nguyện và có tổ chức lễ cưới vào năm 2009 nhưng không có đăng ký kết hôn. Do đó, quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh T chưa tuân thủ về điều kiện đăng ký kết hôn tại Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền theo quy định của luật hôn nhân và gia đình. Quá trình chung sống anh chị có đủ điều kiện đăng ký kết hôn nhưng anh chị không thực hiện đăng ký kết hôn theo quy định tại Điều 8, Điều 9 luật Hôn nhân và gia đình nên không được pháp luật thừa nhận là vợ chồng. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 14 và Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình không công nhận chị Cao Ngọc H và anh Nguyễn Văn T là vợ chồng.

[4] Về con chung: Thời gian chung sống, chị H và anh T có 01 con chung tên Cao Tấn L, sinh ngày 05/10/2015 (giới tính nam). Xét thấy, tại đơn khởi kiện cũng như tại phiên tòa, chị H yêu cầu nuôi dạy cháu L là có cơ sở. Bởi vì, cháu L còn nhỏ và hiện chị H nuôi dạy, việc hoán đổi nuôi con sẽ ảnh hưởng đến tình cảm của cháu L. Hơn nữa, quá trình thụ lý giải quyết, Tòa án có tổng đạt thông báo thụ lý về việc chị H có yêu cầu và nguyện vọng được tiếp tục nuôi dạy con chung nhưng anh T không có văn bản ý kiến đối với yêu cầu của chị H. Đồng thời, anh T vắng mặt tại các lần hòa giải, xét xử không có lý do. Do đó, cần tiếp tục giao cháu L cho chị H nuôi dạy là phù hợp theo quy định tại Điều 81, 82, 83 luật Hôn nhân và gia đình.

Tại đơn khởi kiện cũng như tại phiên tòa, chị H không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về T sản chung: Chị H xác định thời gian chung sống anh chị không có T sản chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về nợ chung: Chị H cho rằng thời gian chung sống anh chị không có nợ chung, vợ chồng không có nợ người ngoài nên không yêu cầu giải quyết. Xét thấy, trình bày của chị H là có cơ sở. Bởi vì, tại xác nhận ngày 10/6/2019 của Ủy ban nhân dân xã TL, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau xác nhận chưa nhận được yêu cầu liên quan đến chị H và anh T tại xã. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Cao Ngọc H phải chịu án phí – Theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự. Điều 14, 53, 81, 82, 83 của luật Hôn nhân và Gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Xét xử vắng mặt đối với anh Nguyễn Văn T.
2. Về hôn nhân: Không công nhận chị Cao Ngọc H và anh Nguyễn Văn T là vợ chồng.
3. Về con chung: Giao con chung tên Cao Tấn L, sinh ngày 05/10/2015 (giới tính nam) cho chị Cao Ngọc H tiếp tục nuôi dạy. Anh Nguyễn Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con. Anh T không trực tiếp nuôi dạy con chung nhưng anh có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được quyền cản trở.
4. Về T sản chung, nợ chung: Không có.

5. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Cao Ngọc H phải nộp 300.000 đ (Ba trăm nghìn đồng). Vào ngày 10 tháng 6 năm 2019 chị H có dự nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0006211 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau nay được chuyển thu án phí.

6. Về quyền kháng cáo, kháng nghị: Bản án này là sơ thẩm, báo cho chị H biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng anh T vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết công khai bản án. Viện kiểm sát có quyền kháng nghị theo quy định.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKSND huyện Thới Bình;
- Chi cục THADS huyện Thới Bình;
- TAND tỉnh Cà Mau;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Nguyễn Kiều Trang**